

Bản án số: 07/2019/HNGĐ -PT

Ngày: 19 - 4 - 2019

V/v xin ly hôn, chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Ông Võ Bá Lưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 03/2019/TLPT-HNGĐ ngày 12/02/2019 về việc “Xin ly hôn, chia tài sản chung”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 345/2019/QĐ-PT ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1963

Trú tại: Thôn T 1, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt

Bị đơn: Ông Đào Hữu T, sinh năm 1958

Trú tại: Thôn T 1, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

**** Nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày:***

Về tình cảm: Bà và ông Đào Hữu T kết hôn với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thị xã Đ (nay là thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình) ngày 29/01/1984. Trong cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông T nhiều lần đánh đập bà gây thương tích. Bà đã hai lần làm đơn đến tòa yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng được hòa giải và bà cũng mong muốn ông T thay đổi để vợ chồng tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng chỉ yên ổn được một thời gian ngắn sau đó lại tiếp tục mâu thuẫn. Hiện tại, mâu thuẫn vợ chồng không

thể hoá giải được, hai người đã sống ly thân, tình cảm không còn nên bà làm đơn xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Đào Thị S sinh ngày 18/6/1986, Đào Thị P sinh ngày 18/8/1989, Đào Hữu Th sinh ngày 24/4/1993. Hiện các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị P khai vợ chồng có các tài sản chung nhà 03 gian cấp bốn và 01 nhà bếp được làm trên thửa đất số 294 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 hộc đựng lúa, 02 bộ bàn, 01 tủ thờ, 01 tủ lạnh, 03 cái giường, 01 tivi, 01 xe máy, 02 xoong to và 01 xoong nhỏ cùng các loại tài sản khác, 03 mảnh đất ruộng cấp cho hộ gia đình. Bà P yêu cầu chia toàn bộ tài sản chung. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà P rút một phần chia tài sản, bà chỉ yêu cầu định giá và chia tài sản chung là đất và nhà trên đất tại thửa đất số 294, tờ bản đồ số 49 tại xã N được UBND thị xã Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/12/1999 mang tên ông Đào Hữu T.

** Bị đơn ông Đào Hữu T trình bày:*

- Về tình cảm: Ông và bà Lê Thị P có đăng ký kết hôn như bà P trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, trong cuộc sống cũng vì chủ quan, nói năng tùy tiện, vợ chồng không hiểu nhau nên dễ xảy ra gây gổ, đánh nhau. Nguyên vọng của ông không muốn ly hôn xin được đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như bà P khai, các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông T có nguyện vọng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với xe máy hiện ông đang đi là xe mượn của ông Hoàng Thanh X (bạn ông T). Còn đất tại thửa số 294, tờ bản đồ số 49 tại xã Nghĩa Ninh là đất của bố mẹ ông để lại hiện đang thờ cúng 02 người anh trai là liệt sỹ và bố của ông là người có công, đây là tài sản riêng của ông không phân chia.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/HNGĐ-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 29, Điều 33, Điều 34 Luật hôn nhân gia đình; Điều 213, Điều 219 Bộ luật dân sự 2015; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị P được ly hôn ông Đào Hữu T

2. Về con chung: Miễn xét

3. Về tài sản chung yêu cầu chia: Gồm nhà (giá trị khấu hao bằng không) và đất tại thửa đất số 294, tờ bản đồ số 49 bản đồ địa chính xã N được UBND thị xã Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/12/1999 mang tên ông Đào Hữu T.

- Giao cho ông Đào Hữu T được quyền sử dụng phần đất của thửa đất số 294, tờ bản đồ số 49 (có ngôi nhà chính) có kích thước tứ cận:

Phía Đông giáp đường giao thông có kích thước 14,9m;

Phía Nam giáp đường giao thông có kích thước 26,4m;

Phía Tây giáp đất và nhà ông Đào Văn Ch kích thước 13,2m;

Phía Bắc giáp phần đất có khối nhà phụ 24,9m

Diện tích $360,38\text{m}^2$, tổng giá trị 85.751.000 đồng (trong đó đất ở 100m^2 trị giá 78.000.000 đồng; đất vườn còn lại sau khi trừ đi phần vượt quá so với giấy chứng nhận là $260,38\text{m}^2 - 25,5\text{m}^2 = 234,88\text{m}^2$ trị giá 7.751.000 đồng). Tạm giao cho ông T được quyền sử dụng phần đất vượt quá diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $25,5\text{m}^2$

- Giao cho bà Lê Thị P được quyền sử dụng phần đất còn lại của thửa đất số 294, tờ bản đồ số 49 (có hệ thống nhà phụ và giếng nước) có kích thước tứ cận:

Phía Đông giáp đường giao thông có kích thước 17,7m;

Phía Nam giáp phần đất và nhà chính kích thước 24,9m;

Phía Tây giáp đất và nhà ông Đào Văn Ch kích thước 18,3m;

Phía Bắc giáp phần đất và nhà của ông Lê Bá C kích thước 22,96m

Diện tích $430,62\text{m}^2$, tổng giá trị 88.069.000 đồng (trong đó đất ở 100m^2 trị giá 78.000 đồng, đất vườn còn lại sau khi trừ đi phần vượt quá so với giấy chứng nhận là $330,62\text{m}^2 - 25,5\text{m}^2 = 305,12\text{m}^2$ trị giá 10.069.000 đồng). Tạm giao cho bà P được quyền sử dụng phần đất vượt quá diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $25,5\text{m}^2$.

Đối với phần diện tích vượt quá so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tạm giao cho các bên quyền sử dụng có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được điều chỉnh biến động theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị P phải bù tiền chênh lệch cho ông Đào Hữu T là 1.159.000 đồng do phần tài sản của bà được hưởng nhiều hơn. Như vậy, tài sản mà ông T bà P mỗi người được hưởng tính theo giá trị mỗi phần là 86.910.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Ngày 06/12/2018 và Lê Thị P có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết phần đất mặt tiền bao gồm cả nhà ở chính gắn liền được phân chia cho bên nào thì bên đó phải đền bù thêm tiền cho bên còn lại để bên còn lại có tiền xây dựng nhà ở mới. Số tài sản trong nhà gồm có 01 xe máy, 01 ti vi, 01 hộc đựng lúa, 01 tủ thờ, 01 tủ lệch bà yêu cầu được chia cho bà.

* Ngày 04/12/2018 ông Đào Hữu T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 29/2018/HNGĐ-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa cấp sơ thẩm đã trả lại đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Lê Thị P, rút phần kháng cáo về chia tài sản 01 xe máy, 01 ti vi, 01 hộc đựng lúa, 01 tủ thờ, 01 tủ lệch, bà yêu cầu ông T phải giao tiền chênh lệch tài sản cho bà 100.000.000 đồng để bà có tiền làm nhà ở.

Bị đơn ông Đào Hữu T không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, xin được đoàn tụ; Ông T yêu cầu được miễn án phí phân chia tài sản vì ông là người cao tuổi.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Lê Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm về chia tài sản chung vợ chồng; Đề nghị sửa án sơ thẩm về án phí, miễn án phí cho ông T vì ông là người cao tuổi được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Lê Thị P yêu cầu được nhận thêm tiền chênh lệch do ông T được nhận phần đất mặt tiền gắn liền nhà ở chính để bà có tiền xây dựng nhà ở mới, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cấp sơ thẩm đã căn cứ kết quả thẩm định, định giá tài sản ngày 06/11/2018 đối với thửa đất nói trên để phân chia đất và nhà ở cho ông T, bà P là phù hợp với tình hình thực tế (hiện ông T đang thờ hai liệt sỹ) và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các bên (phần nhà chính ông T được nhận đã khấu hao hết giá trị tài sản, phần đất bà P được phân chia có diện tích lớn hơn phần đất ông T được nhận và đất bà P cũng có mặt tiếp giáp đường giao thông) nên kháng cáo này không có căn cứ chấp nhận.

Về kháng cáo yêu cầu chia tài sản 01 xe máy, 01 ti vi, 01 học đựng lúa, 01 tủ thờ, 01 tủ lệch, tại phiên toà phúc thẩm bà đã rút phần kháng cáo này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về án phí phân chia tài sản: Ông Đào Hữu T là người cao tuổi nhưng cấp sơ thẩm buộc ông phải chịu án phí là không đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí. Vì vậy, cần sửa phần án phí để miễn án phí cho ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 29, Điều 33, Điều 34 Luật hôn nhân gia đình; Điều 213, Điều 219 Bộ luật dân sự 2015; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/HNGĐ-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình về phân chia tài sản chung giữa bà P và ông T.

2. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử buộc bà Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000804 ngày 13/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Miễn án phí tài sản cho ông Đào Hữu T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi đối với số tiền còn chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND TP Đồng Hới;
- Chi cục THA TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương

